

LỊCH KHÁM SỨC KHỎE NĂM 2024

2024 年健康檢查時間表

1. Khám sức khỏe định kỳ năm 2024 cho toàn thể CB-CNV trong công ty

在 2024 定期健康檢查給公司全體幹部-員工

Khối	Tên Bộ phận	Số lượng CB-CNV chi tiết		Tổng cộng	Ngày KSK
		Nặng nhọc	LĐPT		
BU1 + BU3 + JSG	BU1 AD Kéo Lụa	103	163	266	THỨ NĂM 23/05
	BU1 Phun Sơn	121	349	470	
	JSG Tổng Vụ	45	23	68	
	BU1 R&D		51	51	
	JSG Công Vụ/Công Trình	15	13	28	
	BU1 D	193	140	333	THỨ SÁU 24/05
	BU1 QIP		192	192	
	BU1 Tính Giá Thành		13	13	
	BU1 Văn Phòng		64	64	
	BU3 Chế Tạo	85	44	129	
	BU3 Văn Phòng		107	107	
	BU1 Điều Phối		49	49	
BU1 + JSG	BU1 E	472	280	752	THỨ BẢY 25/05
	BU1 Kho Vật Liệu	1	77	78	
	JSG Cơ Điện	40	1	41	



Khối	Tên Bộ phận	Số lượng CB-CNV chi tiết		Tổng cộng	Ngày KSK
		Nặng nhọc	LĐPT		
BU2 + JSG	BU2 BB	653	421	1074	THỨ HAI 27/05
	BU2 Điều Phối		55	55	
	BU2 Kéo Lụa	31	48	79	THỨ BA 28/05
	BU2 Kho Vật Liệu	1	85	86	
	BU2 LB	146	80	226	
	BU2 LB Văn Phòng		44	44	
	BU2 R&D Văn Phòng		216	216	
	BU2 Tính Giá Thành		18	18	
	BU2 Văn Phòng		249	249	
	JBG Lãnh Liệu		3	3	
	JSG Kế Toán		22	22	
	JSG Phát Triển Bền Vững		35	35	
	JSG Phát Triển Bền Vững HR		32	32	
	JSG Shipping		40	40	
	JSG Văn Phòng		23	23	
	Grand Total	1906	2937	4843	

2. Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp lần 1 cho CB-CNV làm công việc nặng nhọc, độc hại

從事繁重、危險工作的幹部-員工第一期職業病檢查檢測

Tên BP	Tổng cộng	Đo thính lực	Đo chức năng hô hấp	Công thức máu nghề nghiệp	Công thức máu Nhà ăn	X-Quang tim phổi	Viêm gan A + E	Tìm ký sinh trùng / phân	Khám, hỏi bệnh nghề nghiệp
BU1 AD Kéo Lụa	103	11	103	41	0	0	0	0	103
		Thợ Dập Cát	Cn Quét Xử Lý, Thợ Bể Hình, Thợ Dập Cát, Thợ Kéo Lụa, Thợ Pha Keo/Mực In	Cn Quét Xử Lý, Thợ Kéo Lụa, Thợ Pha Keo/Mực In					
BU1 D	193	81	127	86	0	0	0	0	193
		Cn Khoan Dép Lào, Thợ Dập Cát, Thợ Mài, Thợ May	Cn Bắt Quai, Cn Bể Nhãn In Chuyên, Cn Dán Dép, Cn Khoan Dép Lào, Cn Quét Keo, Cn Quét Xử Lý, Thợ Dập Cát, Thợ Mài, Thợ Pha Keo/Mực In	Cn Quét Keo, Cn Quét Xử Lý, Thợ Pha Keo/Mực In					

0047888
CÔNG T
TNHH
IA HS
ĐƯỢC-T.

Tên BP	Tổng cộng	Đo thính lực	Đo chức năng hô hấp	Công thức máu nghề nghiệp	Công thức máu Nhà ăn	X-Quang tim phổi	Viêm gan A + E	Tìm ký sinh trùng / phân	Khám, hỏi bệnh nghề nghiệp
BU1 E	472	200	315	232	0	0	0	0	472
		Thợ Dập Cát, Thợ Mài, Thợ May	Cn Bắt Quai, Cn Bể Nhãn In Chuyên, Cn Dán Dép, Cn Quét Keo, Cn Quét Xử Lý, Thợ Dập Cát, Thợ Gò Mũi, Thợ Mài	Cn Quét Keo, Cn Quét Xử Lý, Thợ Cân Hóa Chất					
BU1 Kho Vật Liệu	1	0	1	1	0	0	0	0	1
			Thợ Cân Hóa Chất	Thợ Cân Hóa Chất					
BU1 Phun Sơn	121	0	121	116	0	0	0	0	121
			Cn Quét Xử Lý, Thợ Pha Keo/Mực In, Thợ Phun Sơn	Cn Quét Xử Lý, Thợ Pha Keo/Mực In, Thợ Phun Sơn					
BU1 Kho Vật Liệu	1	0	Cn Quét Xử Lý, Thợ Bể Hình, Thợ Dập Cát, Thợ Kéo Lựa, Thợ Pha Keo/Mực In, Thợ Phun Sơn	Cn Quét Xử Lý, Thợ Kéo Lựa, Thợ Pha Keo/Mực In, Thợ Phun Sơn	0	0	0	0	1
			Thợ Dập Cát	Thợ Dập Cát					

Tên BP	Tổng cộng	Đo thính lực	Đo chức năng hô hấp	Công thức máu nghề nghiệp	Công thức máu Nhà ăn	X-Quang tim phổi	Viêm gan A + E	Tìm ký sinh trùng / phân	Khám, hỏi bệnh nghề nghiệp
BU2 AB	653	297	447	233	0	0	0	0	653
		Thọ Dập Cát, Thọ Mài, Thọ May	Cn Bất Quai, Cn Bể Nhân In Chuyển, Cn Dán Dép, Cn Gò Eo, Cn Gò Gót, Cn Quét Keo, Cn Quét Xử Lý, Thọ Bể Hình, Thọ Dập Cát, Thọ Gò Mũi, Thọ Mài, Thọ Pha Keo/Mực In	Cn Quét Keo, Cn Quét Xử Lý, Thọ Pha Keo/Mực In					
BU2 Kéo Lụa	31	0	31	17	0	0	0	0	31
			Cn Quét Xử Lý, Thọ Bể Hình, Thọ Kéo Lụa, Thọ Phun Sơn	Cn Quét Xử Lý, Thọ Kéo Lụa, Thọ Phun Sơn					
BU2 Kho Vật Liệu	1	0	1	1	0	0	0	0	1
			Thọ Cân Hóa Chất	Thọ Cân Hóa Chất					
BU2 LB	146	80	72	37	0	0	0	0	146
		Thọ Dập Cát, Thọ Mài, Thọ May	Cn Bể Nhân In Chuyển, Cn Dán Dép, Cn Gò Eo, Cn Gò Gót, Cn Quét Keo, Cn Quét Xử Lý, Thọ Dập Cát, Thọ Gò Mũi, Thọ Mài	Cn Quét Keo, Cn Quét Xử Lý					



Tên BP	Tổng cộng	Đo thính lực	Đo chức năng hô hấp	Công thức máu nghề nghiệp	Công thức máu Nhà ăn	X-Quang tim phổi	Viêm gan A + E	Tim ký sinh trùng / phân	Khám, hỏi bệnh nghề nghiệp
BU3 Chế Tạo	85	76	50	4	0	0	0	0	85
		Thợ Dập Cắt, Thợ Lò Hơi, Thợ Mài Nhám Btp, Thợ Máy Ben, Thợ Máy Cán, Thợ Máy Cán Dán, Thợ Máy Nghiền Phế, Thợ Máy Trộn, Thợ Tạo Hạt	Thợ Công Thức, Thợ Dập Cắt, Thợ Lazer, Thợ Mài Nhám Btp, Thợ Máy Nghiền Phế, Thợ Sửa Màu, Thợ Tạo Hạt	Thợ cân hóa chất					
JSG Cơ Điện	40	40	40	0	0	0	0	0	40
JSG Công Vụ/Công Trình	15	15	15	0	0	0	0	0	15
JSG Tổng Vụ	45	0	10	0	0	35	35	35	45